

Số:1756 /QĐ- UBND

Phú Thái, ngày 29 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hỗ trợ thu nhập hàng tháng đối với một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã Phú Thái theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/04/2026 của HĐND thành phố Hải Phòng (Đợt 1 năm 2026)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ THÁI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn phường Tứ Minh giai đoạn 2026-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 14/01/2026 của UBND xã Phú Thái về việc điều chỉnh mức trợ giúp xã hội hàng tháng theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 10/8/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;*

*Căn cứ Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 02/6/2026 của UBND xã Phú Thái về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn xã;*

*Căn cứ kết quả rà soát các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã Phú Thái được hưởng hỗ trợ thu nhập hàng tháng theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;*

*Theo đề nghị của Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 22/TTr-XDNNMT ngày 28/7/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hỗ trợ thu nhập hàng tháng cho các đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được UBND xã Phú Thái công nhận năm 2025 theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng (Đợt 1 năm 2026), cụ thể như sau:

**1. Hỗ trợ hàng tháng** cho 63 đối tượng không có thu nhập hàng tháng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 04/2026/NQ-HĐND bằng mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030 do Chính phủ quy định (Có danh sách kèm theo tại Phụ lục 01).

Mức hỗ trợ: bằng mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030 do Chính phủ quy định, năm 2026: 1.500.000 đồng/người/tháng.

**2. Hỗ trợ thêm hàng tháng** cho **167** đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng hàng tháng từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 04/2026/NQ-HĐND (ngoài phần kinh phí trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng hàng tháng từ ngân sách nhà nước) để đảm bảo tổng kinh phí hỗ trợ hàng tháng bằng mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030 do Chính phủ quy định (Có danh sách kèm theo tại Phụ lục 02).

Mức hỗ trợ: đảm bảo tổng kinh phí hỗ trợ (bao gồm cả phần kinh phí trợ cấp chế độ an sinh xã hội) bằng mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030 do Chính phủ quy định, năm 2026: 1.500.000 đồng/người/tháng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng các phòng: Kinh tế; Văn hóa - Xã hội; Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực III; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; các cá nhân liên quan và các đối tượng có tên trong danh sách phụ lục kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- TT ĐU, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như Điều 3;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, XDNNMT.



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Phúc Công**



**PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH HỖ TRỢ HÀNG THÁNG THEO NGHỊ QUYẾT 04/2026/NQ-HĐND**  
**CỦA HĐND THÀNH PHỐ HÀI PHÒNG (ĐỢT 1 NĂM 2026) XÃ PHÚ THÁI**  
(*theo Nghị quyết định số 1756 /QĐ-UBND ngày 29 /7/2026 của Chủ tịch UBND xã Phú Thái*)

| STT | Họ và tên đối tượng  | Đối tượng | Ngày, tháng, năm sinh | Số định danh cá nhân/CCCD | Thôn        | Hỗ trợ theo Nghị quyết 04/2026/NQ-HĐND<br>(Đối tượng thuộc Khoản 2, Điều 2) |                                                                                                                                     |                  |                    |                         |
|-----|----------------------|-----------|-----------------------|---------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------|-------------------------|
|     |                      |           |                       |                           |             | Đối tượng cụ thể                                                            |                                                                                                                                     | Mức hưởng (đồng) | Thời gian hưởng từ | Ghi chú                 |
| 1   | Trần Thị Thu Huyền   | N         | 05/02/2009            | 030309011803              | Quỳnh Khê 2 | Điểm d                                                                      | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000        | 01/2026            | 06/2027 tốt nghiệp THPT |
| 2   | Nguyễn Văn Mận       | N         | 15/11/1965            | 030065001149              | Lễ Độ       | Điểm b                                                                      | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000        | 01/2026            |                         |
| 3   | Nguyễn Thị Thu Hương | N         | 16/10/1977            | 030177003765              | Cổ phục Nam | Điểm b                                                                      | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000        | 01/2026            |                         |
| 4   | Nguyễn Thị Phượng    | CN        | 27/07/1972            | 030172005767              | Thiện Đáp   | Điểm b                                                                      | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000        | 01/2026            |                         |
| 5   | Nguyễn Thị Hoa       | CN        | 01/01/1962            | 030064010987              | Thiện Đáp   | Điểm b                                                                      | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000        | 01/2026            |                         |
| 6   | Hoàng Thị Thoa       | CN        | 13/04/1958            | 030158003312              | Kim Anh     | Điểm b                                                                      | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000        | 01/2026            |                         |
| 7   | Cao Thị Tho          | CN        | 01/01/1964            | 030164003118              | Quyết Thắng | Điểm đ                                                                      | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000        | 01/2026            |                         |
| 8   | Trần Thị Xuân Mai    | CN        | 26/08/2009            | 030309013745              | Lễ Độ       | Điểm d                                                                      | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000        | 01/2026            | 06/2027 tốt nghiệp THPT |

|    |                        |    |            |              |              |        |                                                                                                                                     |           |         |                         |
|----|------------------------|----|------------|--------------|--------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|-------------------------|
| 9  | Nguyễn Thị Huyền Trang | CN | 30/09/2009 | 030309013191 | Kim Anh      | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | 01/2026 | 06/2027 tốt nghiệp THPT |
| 10 | Hoàng Thị Quỳnh Giang  | CN | 17/06/2007 | 030307013409 | Kim Khê      | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | 01/2026 | 9/2028 tốt nghiệp CĐ    |
| 11 | Lê Thùy Dương          | CN | 17/02/2008 | 303308007783 | Kim Khê      | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | 01/2026 | 06/2026 tốt nghiệp THPT |
| 12 | Vy Thị Thuý            | CN | 13/11/1956 | 020156000021 | Lương Xá nam | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 13 | Nguyễn Anh Thư         | CN | 20/08/2009 | 030309005315 | Lương Xá nam | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | 01/2026 | 06/2027 tốt nghiệp THPT |
| 14 | Cao Thị Chinh          | CN | 30/01/1961 | 030161004439 | Lương Xá nam | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 15 | Trần Văn Nhân          | CN | 08/10/1961 | 030061010674 | Lương Xá nam | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 16 | Trần Thị Sinh          | CN | 01/08/1965 | 030165004288 | Lương Xá nam | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 17 | Đỗ Thị Khanh           | CN | 01/01/1965 | 030165011361 | Lương Xá Nam | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 18 | Lê Thị Thom            | CN | 09/10/1968 | 030168005053 | Cổ phục Nam  | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 19 | Nguyễn Văn Cường       | CN | 01/01/1968 | 030068016657 | Cổ phục Nam  | Điểm a | Người bị tổn thương cơ thể 81% trở lên                                                                                              | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 20 | Nguyễn Thị Nụ          | CN | 22/01/1977 | 030177997204 | Cổ phục Nam  | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026 |                         |

|    |                  |    |            |              |                |        |                                                                                                                                     |           |                   |                         |
|----|------------------|----|------------|--------------|----------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------|-------------------------|
| 21 | Hoàng Thị Thủy   | CN | 03/03/1967 | 30167004498  | Cổ phục Nam    | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026           |                         |
| 22 | Phan Đỗ Tú Anh   | CN | 16/06/2005 | 030305013020 | An Thái        | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | 01/2026           | 06/2027 tròn 22 tuổi    |
| 23 | Nguyễn Văn Thảo  | CN | 05/08/1960 | 030060008003 | An Thái        | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026           |                         |
| 24 | Trịnh Quốc Cường | CN | 08/05/2004 | 030204004146 | Đồng Văn       | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | Từ 01 đến 05/2026 | 05/2026 tròn 22 tuổi    |
| 25 | Nguyễn Phúc Châu | CN | 08/01/2010 | 030210011355 | Đồng Văn       | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | 01/2026           | 06/2028 tốt nghiệp THPT |
| 26 | Dương Anh Vũ     | CN | 27/09/2005 | 030205003604 | Đồng Văn       | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | 01/2026           | 09/2027 tròn 22 tuổi    |
| 27 | Phạm Thị Hội     | CN | 08/12/1979 | 054179000089 | Ga             | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026           |                         |
| 28 | Vũ Thị Kiệm      | CN | 22/07/1961 | 030161001206 | Dưỡng Thái Nam | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026           |                         |
| 29 | Đỗ Thị Luyến     | CN | 19/02/2010 | 030310010892 | Dưỡng Thái Nam | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | 01/2026           | 06/2028 tốt nghiệp THPT |
| 30 | Vũ Thị Thư       | CN | 20/08/1958 | 030158000362 | Dưỡng Thái Nam | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026           |                         |

|    |                   |    |            |              |                  |        |                                                                                                                                     |           |         |                         |
|----|-------------------|----|------------|--------------|------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|-------------------------|
| 31 | Đỗ Bảo Nhi        | CN | 20/07/2009 | 030309010092 | Dưỡng Thái Trung | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | 01/2026 | 06/2027 tốt nghiệp THPT |
| 32 | Bùi Văn Vệ        | CN | 04/05/1969 | 030069002173 | Thôn Bãi Mạc     | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 33 | Nguyễn Đức Vinh   | CN | 18/03/1960 | 030060012063 | Thôn Bãi Mạc     | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 34 | Nguyễn Anh Đức    | CN | 11/08/2009 | 030209016952 | Thôn Bãi Mạc     | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | 01/2026 | 06/2027 tốt nghiệp THPT |
| 35 | Bùi Thị Lem       | TN | 08/09/1961 | 030161008300 | Thôn Bãi Mạc     | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 36 | Phạm Thị La       | TN | 18/08/1959 | 030159011956 | Quỳnh Khê 2      | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 37 | Trần Thị Nga      | TN | 01/01/1958 | 030180005594 | Quỳnh Khê 2      | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 38 | Vũ Thị Mỹ         | TN | 01/01/1961 | 030161002878 | Quỳnh Khê 2      | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 39 | Vũ Thị Thành      | TN | 10/10/1962 | 030162015386 | Quỳnh Khê 2      | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 40 | Nguyễn Thị Khang  | TN | 10/02/1952 | 030152013273 | Thiện Đáp        | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 41 | Trần Thị Vi       | TN | 20/08/1955 | 030155006013 | Thiện Đáp        | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 42 | Phạm Thị Bích Vân | TN | 05/08/2007 | 030307001800 | Quyết Thắng      | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | 01/2026 | 09/2028 tốt nghiệp CĐ   |

|    |                  |    |            |              |              |        |                                                                                                                                     |           |         |                         |
|----|------------------|----|------------|--------------|--------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|-------------------------|
| 43 | Nguyễn Ngọc Anh  | TN | 26/05/2008 | 030308005915 | Lễ Độ        | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | 01/2026 | 06/2026 tốt nghiệp THPT |
| 44 | Nguyễn Thị Kiên  | TN | 01/01/1961 | 030161000276 | Lễ Độ        | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 45 | Cao Thị Bôn      | TN | 01/01/1958 | 030158006348 | Lương Xá nam | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 46 | Nguyễn Duy Phong | TN | 20/04/2011 | 030211012687 | Lương Xá Bắc | Điểm c | Trẻ em thuộc hộ thoát nghèo                                                                                                         | 1.500.000 | 01/2026 | 04/2027 tròn 16T        |
| 47 | Phạm Thị Nguyệt  | TN | 20/07/1954 | 030154000590 | Cổ phục Bắc  | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 48 | Phạm Thị Đức     | TN | 04/10/1952 | 030152000519 | Cổ phục Bắc  | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 49 | Nguyễn Thị Thảo  | TN | 01/01/1957 | 030157001725 | Cổ phục Bắc  | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 50 | Đỗ Thị Thanh     | TN | 01/01/1961 | 030161008306 | Cổ phục Bắc  | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 51 | Nguyễn Thị Điểm  | TN | 23/02/1960 | 030160001019 | Cổ Phục Bắc  | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 52 | Nguyễn Thị Thơ   | TN | 19/09/1959 | 030159005073 | Cổ phục Nam  | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 53 | Nguyễn Thị Thanh | TN | 05/08/1957 | 030157000185 | Cổ phục Nam  | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 54 | Vũ Thị Hiền      | TN | 10/02/1962 | 030162004873 | Cổ phục Nam  | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 55 | Nguyễn Thị Yên   | TN | 05/05/1964 | 030164004359 | An Thái      | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026 |                         |

|    |                  |     |            |              |                  |        |                                                                                                                                     |           |         |                         |
|----|------------------|-----|------------|--------------|------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|-------------------------|
| 56 | Trần Thị Toàn    | TN  | 05/08/1956 | 030156002995 | An Thái          | Điểm đ | Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên không có chồng, con                                                                            | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 57 | Trương Thị Kiên  | TN  | 18/02/1978 | 030178001565 | Ga               | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 58 | Nguyễn Đức Bình  | TN  | 21/03/1954 | 030054002386 | Dưỡng Thái Trung | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 05/2026 |                         |
| 59 | Hoàng Thu Phương | TN  | 28/08/2006 | 030306002580 | Bãi Mạc          | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | 01/2026 | 08/2028 tròn 22T        |
| 60 | Nguyễn Văn Nhĩ   | TCN | 01/01/1959 | 030059003160 | Thiện Đáp        | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 61 | Trần Thị Nguyệt  | TCN | 08/08/1971 | 030171007190 | Lương Xá nam     | Điểm b | Người mắc bệnh hiểm nghèo, cần chữa trị dài ngày                                                                                    | 1.500.000 | 01/2026 |                         |
| 62 | Cao Lâm Triệu    | TCN | 11/07/2009 | 030209009689 | Lương Xá nam     | Điểm d | Người từ đủ 16 -22 tuổi đang trong thời gian đi học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất | 1.500.000 | 01/2026 | 06/2027 tốt nghiệp THPT |
| 63 | Trần Thị Toàn    | TCN | 15/11/1963 | 030163001546 | Dưỡng Thái Nam   | Điểm đ | Người cao tuổi trên 60 không chồng, có con đều đang hưởng trợ cấp XH                                                                | 1.500.000 | 01/2026 |                         |

**Ghi chú:**      *Hộ nghèo: N*      *Hộ cận nghèo: CN*      *Hộ thoát nghèo: TN*      *Hộ thoát cận nghèo: TCN*

**PHỤ LỤC 02: DANH SÁCH HỖ TRỢ THÊM HÀNG THÁNG THEO NGHỊ QUYẾT 04/2026/NQ-HĐND  
CỦA HĐND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (ĐỢT 1 NĂM 2026) XÃ PHÚ THÁI**

*(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày    /7/2026 của Chủ tịch UBND xã Phú Thái)*

| STT | Họ và tên đối tượng | Đối tượng | Ngày, tháng, năm sinh | Số định danh cá nhân/CCCD | Thôn        | Chế độ an sinh xã hội đang hưởng   |                               | Hỗ trợ theo Nghị quyết 04/2026/NQ-HĐND (Đối tượng thuộc Khoản 1, Điều 2) |                         |                     |
|-----|---------------------|-----------|-----------------------|---------------------------|-------------|------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|
|     |                     |           |                       |                           |             | Thuộc đối tượng                    | Mức trợ cấp hiện hưởng (đồng) | Mức hưởng (đồng)                                                         | Thời gian được hưởng từ | Ghi chú             |
| 1   | Phạm Thị Hiền       | N         | 15/03/1947            | 030147006676              | Quỳnh Khê 1 | Hưu trí XH                         | 700.000                       | 800.000                                                                  | 01/2026                 | Đủ 75 tuổi trở lên  |
| 2   | Khoa Thị Thanh      | N         | 15/09/1955            | 030155006654              | Quỳnh Khê 2 | Hưu trí XH                         | 700.000                       | 800.000                                                                  | 01/2026                 | Hưu trí XH hộ nghèo |
| 3   | Ninh Thị Thùy Anh   | N         | 28/03/2007            | 030220015801              | Thiện Đáp   | Trẻ mất nguồn nuôi dưỡng từ 16-22T | 1.050.000                     | 450.000                                                                  | 01/2026                 |                     |
| 4   | Hoàng Văn Khang     | N         | 01/01/1948            | 030048005315              | Kim Khê     | Hưu trí XH                         | 700.000                       | 800.000                                                                  | 01/2026                 | Đủ 75 tuổi trở lên  |
| 5   | Nguyễn Thị Trong    | N         | 10/06/1950            | 030150008076              | Kim Khê     | Hưu trí XH                         | 700.000                       | 800.000                                                                  | 01/2026                 |                     |
| 6   | Dương Thị Vân       | N         | 14/04/1955            | 030155003781              | An Thái     | Chăm sóc NKT, Hưu trí XH           | 1.400.000                     | 100.000                                                                  | 01/2026                 | Hưu trí XH hộ nghèo |
| 7   | Ngô Thị Lương       | N         | 23/12/1982            | 030182001247              | An Thái     | 16-60 tuổi KTĐBN                   | 1.400.000                     | 100.000                                                                  | 01/2026                 |                     |
| 8   | Nguyễn Thị Chung    | N         | 01/01/1927            | 030127001807              | Đồng Văn    | NCT KTN                            | 1.400.000                     | 100.000                                                                  | 01/2026                 |                     |
| 9   | Trần Thị Toãn       | CN        | 01/02/1955            | 030155004168              | Quỳnh Khê 1 | Hưu trí XH                         | 700.000                       | 800.000                                                                  | 02/2026                 | Hưu trí XH hộ CN    |
| 10  | Nguyễn Lương Bằng   | CN        | 02/01/2001            | 030201004782              | Quỳnh Khê 2 | 16-60 tuổi KTĐBN                   | 1.400.000                     | 100.000                                                                  | 01/2026                 |                     |
| 11  | Vũ Thị Thư Thương   | CN        | 31/03/2005            | 030305011184              | Quỳnh Khê 2 | 16-60 tuổi KTĐBN                   | 1.400.000                     | 100.000                                                                  | 01/2026                 |                     |

|    |                  |    |            |              |             |                  |           |         |         |                               |
|----|------------------|----|------------|--------------|-------------|------------------|-----------|---------|---------|-------------------------------|
| 12 | Mạc Thị Sen      | CN | 07/09/1970 | 030170011126 | Quỳnh Khê 2 | 16-60 tuổi KTN   | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                               |
| 13 | Phạm Văn Đạt     | CN | 01/01/1972 | 030066001749 | Quỳnh Khê 2 | 16-60 tuổi KTN   | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                               |
| 14 | Vũ Thị Vân       | CN | 13/07/1967 | 030167010624 | Quỳnh Khê 2 | 16-60 tuổi KTN   | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 | 8/2027 sang đối tượng NTC KTN |
| 15 | Nguyễn Thị An    | CN | 11/10/1955 | 030155001406 | Quỳnh Khê 2 | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN              |
| 16 | Nguyễn Thị Vẻ    | CN | 01/01/1956 | 030156002144 | Quỳnh Khê 2 | NCT KTN          | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                               |
| 17 | Nguyễn Văn La    | CN | 17/09/1982 | 030082009114 | Quỳnh Khê 2 | 16-60 tuổi KTN   | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                               |
| 18 | Vũ Thị Cốc       | CN | 01/01/1940 | 030140009215 | Quỳnh Khê 2 | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên            |
| 19 | Vũ Đình Mạnh     | CN | 25/07/1962 | 030062005343 | Quỳnh Khê 2 | NTC KTN          | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                               |
| 20 | Trần Thị Nghiên  | CN | 12/10/1950 | 030150013863 | Kim Anh     | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên            |
| 21 | Tăng Thị Đát     | CN | 23/06/1962 | 030162007603 | Quyết Thắng | NTC KTN          | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                               |
| 22 | Phạm Thị Sao     | CN | 01/01/1964 | 030164010571 | Quyết Thắng | NTC KTN          | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                               |
| 23 | Phan Trọng Tài   | CN | 14/09/1992 | 030092005062 | Quyết Thắng | 16-60 tuổi KTN   | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                               |
| 24 | Nguyễn Thị Nga   | CN | 01/01/1956 | 030156001376 | Lễ Độ       | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN              |
| 25 | Mạc Thị Bích     | CN | 23/03/1950 | 030150000279 | Lễ Độ       | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên            |
| 26 | Nguyễn Văn Tĩnh  | CN | 01/01/1957 | 030057013322 | Lễ Độ       | NCT KTN          | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                               |
| 27 | Nguyễn Thị Nha   | CN | 01/01/1952 | 030152009034 | Kim Anh     | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN              |
| 28 | Nguyễn Văn Phảng | CN | 02/07/1971 | 030071007274 | Kim Anh     | 16-60 tuổi KTĐBN | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                               |

|    |                  |    |            |              |              |                     |           |         |         |                  |
|----|------------------|----|------------|--------------|--------------|---------------------|-----------|---------|---------|------------------|
| 29 | Nguyễn Văn Linh  | CN | 15/06/1984 | 030084005194 | Kim Anh      | 16-60 tuổi<br>KTĐBN | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                  |
| 30 | Phạm Minh Hiếu   | CN | 08/09/1968 | 030068018097 | Kim Khê      | 16-60 tuổi<br>KTĐBN | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                  |
| 31 | Nguyễn Thị Tý    | CN | 08/01/1953 | 030153000940 | Kim Khê      | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN |
| 32 | Nguyễn Thị Tháng | CN | 20/07/1958 | 030158002317 | Kim Khê      | Chăm sóc NKT        | 700.000   | 800.000 | 01/2026 |                  |
| 33 | Nguyễn Thị Hà    | CN | 01/01/1984 | 030184020713 | Kim Khê      | Người khuyết tật    | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                  |
| 34 | Vũ Thị Ninh      | CN | 01/01/1954 | 030154003562 | Kim Khê      | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN |
| 35 | Lê Văn Phương    | CN | 12/01/1952 | 030052001393 | Kim Khê      | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN |
| 36 | Đỗ Thị Lan       | CN | 01/01/1955 | 030155004123 | Kim Khê      | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN |
| 37 | Hoàng Thị Thuần  | CN | 20/02/1954 | 030154004377 | Kim Khê      | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN |
| 38 | Nguyễn Thị Thịnh | CN | 30/11/1973 | 030173002685 | Kim Khê      | 16-60 tuổi<br>KTĐBN | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                  |
| 39 | Nguyễn Thị Hồng  | CN | 14/11/1995 | 030195014563 | Kim Khê      | 16-60 tuổi<br>KTĐBN | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                  |
| 40 | Nguyễn Thị Chì   | CN | 25/09/1963 | 030163002959 | Kim Khê      | NCT KTN             | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                  |
| 41 | Nguyễn Thị Huyền | CN | 16/12/1975 | 030175001143 | Lương Xá nam | 16-60 tuổi KTN      | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                  |
| 42 | Trần Thị Thi     | CN | 13/08/1985 | 030185003434 | Lương Xá nam | 16-60 tuổi KTN      | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                  |
| 43 | Cao Văn Nhung    | CN | 01/01/1954 | 030054004441 | Lương Xá Nam | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN |
| 44 | Hứa Thị Huệ      | CN | 19/08/1985 | 030185005888 | Lương Xá Nam | 16-60 tuổi<br>KTĐBN | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                  |
| 45 | Cao Thị Loan     | CN | 01/01/1956 | 030156002006 | Lương Xá Nam | Chăm sóc NKT        | 700.000   | 800.000 | 01/2026 |                  |

|    |                   |    |            |              |              |                  |           |         |         |                    |
|----|-------------------|----|------------|--------------|--------------|------------------|-----------|---------|---------|--------------------|
| 46 | Hoàng Thị Sinh    | CN | 01/01/1946 | 030146001431 | Lương Xá Nam | Hưu trí XH       | 700000    | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên |
| 47 | Trần Thị Tuyết    | CN | 01/01/1955 | 030155004082 | Lương Xá nam | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 02/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 48 | Lã Văn Hạnh       | CN | 10/10/1961 | 030061003873 | Lương Xá Bắc | NCT KTN          | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                    |
| 49 | Hứa Thị Liên      | CN | 18/03/1955 | 030155004401 | Lương Xá Bắc | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 50 | Hứa Văn Thuận     | CN | 01/01/1955 | 030055002900 | Lương Xá Bắc | NCT KTN          | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                    |
| 51 | Hứa Văn Toàn      | CN | 26/04/1987 | 030087011599 | Lương Xá Bắc | 16-60 tuổi KTĐBN | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                    |
| 52 | Nguyễn Văn Vinh   | CN | 14/04/1989 | 030089010305 | Lương Xá Bắc | 16-60 tuổi KTN   | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                    |
| 53 | Hứa Văn Cổ        | CN | 06/08/1957 | 030057005773 | Lương Xá Bắc | NCT KTN          | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                    |
| 54 | Hoàng Thị Vang    | CN | 01/01/1956 | 030156009526 | Lương Xá Bắc | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 55 | Nguyễn Thị Tâm    | CN | 26/12/1960 | 030160002033 | Cổ phục Nam  | Chăm sóc NKT     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 |                    |
| 56 | Nguyễn Thị Thường | CN | 25/11/1953 | 030153011105 | An Thái      | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 57 | Đỗ Văn Thắng      | CN | 10/10/1952 | 030052008093 | An Thái      | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 58 | Lương Thị Phận    | CN | 24/03/1955 | 033155007623 | An Thái      | NCT KTN          | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                    |
| 59 | Nguyễn Thị Xinh   | CN | 06/07/1952 | 030152003605 | An Thái      | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 60 | Mai Thị Nhung     | CN | 04/03/1953 | 036153012406 | An Thái      | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 61 | Nguyễn Thị Lan    | CN | 12/04/1954 | 030154001158 | An Thái      | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 62 | Đồng Thị Đạt      | CN | 01/01/1954 | 030154009674 | An Thái      | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |

|    |                  |    |            |              |          |                     |           |         |         |                           |
|----|------------------|----|------------|--------------|----------|---------------------|-----------|---------|---------|---------------------------|
| 63 | Nguyễn Văn Thịnh | CN | 10/05/1954 | 030054008385 | An Thái  | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN          |
| 64 | Nguyễn Thị Hiền  | CN | 06/11/1954 | 030154005325 | An Thái  | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN          |
| 65 | Nguyễn Thị Dự    | CN | 02/02/1966 | 031166010612 | An Thái  | Chăm sóc NKT        | 700.000   | 800.000 | 01/2026 |                           |
| 66 | Vũ Văn Đới       | CN | 12/03/1954 | 030054012168 | An Thái  | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN          |
| 67 | Đoàn Thị Thao    | CN | 12/12/1954 | 030154014547 | An Thái  | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN          |
| 68 | Nguyễn Thị Xuê   | CN | 01/01/1961 | 030161012264 | An Thái  | Chăm sóc NKT        | 700.000   | 800.000 | 01/2026 |                           |
| 69 | Nguyễn Thị Hằng  | CN | 01/08/1985 | 030185021386 | An Thái  | 16-60 tuổi<br>KTĐBN | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                           |
| 70 | Nguyễn Thị Lụa   | CN | 12/06/1955 | 030155000882 | An Thái  | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN          |
| 71 | Hoàng Thị Hợp    | CN | 01/01/1961 | 030161003136 | Đồng Văn | Chăm sóc NKT        | 700.000   | 800.000 | 01/2026 |                           |
| 72 | Vũ Đình Khải     | CN | 10/03/2000 | 030200013353 | Đồng Văn | 16-60 tuổi<br>KTĐBN | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                           |
| 73 | Trịnh Thị Nga    | CN | 01/12/1967 | 030161002744 | Đồng Văn | 16-60 tuổi KTN      | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                           |
| 74 | Nguyễn Thị Hiên  | CN | 04/06/1955 | 030155004557 | Đồng Văn | NCT Cô đơn          | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 | NCT cô đơn thuộc<br>hộ CN |
| 75 | Phạm Thị Sửu     | CN | 01/01/1930 | 030130000053 | Ga       | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở<br>lên     |
| 76 | Nguyễn Thị Kim   | CN | 10/03/1946 | 001146011437 | Ga       | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở<br>lên     |
| 77 | Trần Thị Huệ     | CN | 01/04/1973 | 030173017926 | Ga       | 16-60 tuổi KTN      | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                           |
| 78 | Hứa Văn Sanh     | CN | 01/01/1954 | 030054004534 | Ga       | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN          |
| 79 | Nguyễn Thị Thành | CN | 20/03/1955 | 030155009242 | Ga       | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN          |

|    |                  |    |            |              |                  |                |           |         |         |                    |
|----|------------------|----|------------|--------------|------------------|----------------|-----------|---------|---------|--------------------|
| 80 | Vũ Thị Lĩnh      | CN | 15/02/1956 | 030156006012 | Tân Phú          | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 02/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 81 | Nguyễn Thị Dương | CN | 11/09/1954 | 030154000946 | Tân Phú          | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 82 | Đỗ Văn Khương    | CN | 11/02/1956 | 030056001448 | Tân Phú          | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 02/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 83 | Vũ Văn Dân       | CN | 10/10/1955 | 030055005969 | Dưỡng Thái Nam   | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 84 | Đỗ Văn O         | CN | 26/04/1950 | 030050002517 | Dưỡng Thái Nam   | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên |
| 85 | Vũ Thị Lại       | CN | 09/04/1953 | 030153009875 | Dưỡng Thái Nam   | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 86 | Đỗ Văn Tuyển     | CN | 27/10/1993 | 030093000670 | Dưỡng Thái Nam   | 16-60 tuổi KTN | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                    |
| 87 | Chu Văn Hiệp     | CN | 16/06/1950 | 030050002783 | Dưỡng Thái Trung | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên |
| 88 | Vũ Thị Hoà       | CN | 12/10/1953 | 030153001209 | Dưỡng Thái Trung | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 89 | Đoàn Văn Vinh    | CN | 30/11/1989 | 030089007690 | Dưỡng Thái Trung | 16-60 tuổi KTN | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                    |
| 90 | Trần Văn Thuận   | CN | 12/12/1955 | 030055000969 | Dưỡng Thái Bắc   | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 91 | Trần Đăng Ban    | CN | 15/03/1952 | 030052006607 | Dưỡng Thái Bắc   | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 92 | Nguyễn Thị Hải   | CN | 26/06/1955 | 030155006484 | Dưỡng Thái Bắc   | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 93 | Đỗ Thị Quặm      | CN | 26/05/1953 | 030153004683 | Dưỡng Thái Bắc   | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 94 | Trần Quang Cảnh  | CN | 03/02/1952 | 030052004459 | Dưỡng Thái Bắc   | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 95 | Nguyễn Thị Toàn  | CN | 01/01/1953 | 030153010182 | Dưỡng Thái Bắc   | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |
| 96 | Nguyễn Thị Thúc  | CN | 20/03/1954 | 030154000455 | Dưỡng Thái Bắc   | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Hưu trí XH hộ CN   |

|     |                  |    |            |              |              |                          |           |         |         |                                |
|-----|------------------|----|------------|--------------|--------------|--------------------------|-----------|---------|---------|--------------------------------|
| 97  | Hoàng Văn Khoảng | CN | 24/10/1966 | 030066006101 | Thôn Bãi Mạc | 16-60 tuổi KTN           | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 | 11/2026 sang đối tượng NTC KTN |
| 98  | Bùi Thị Kỳ       | CN | 12/06/1950 | 030150008973 | Thôn Bãi Mạc | Hưu trí XH               | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên             |
| 99  | Vũ Thị Chuông    | TN | 08/04/1950 | 030150000457 | Quỳnh Khê 1  | Hưu trí XH               | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên             |
| 100 | Nguyễn Thị Lệ    | TN | 01/02/1963 | 030163006315 | Quỳnh Khê 1  | NCT KTN                  | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                                |
| 101 | Vũ Đình Trường   | TN | 19/08/1977 | 030077005133 | Quỳnh Khê 2  | 16-60 tuổi KTN           | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                                |
| 102 | Vũ Thị Thật      | TN | 03/05/1948 | 030148001487 | Quỳnh Khê 2  | Hưu trí XH               | 700.000   | 800.000 | 02/2026 |                                |
| 103 | Trần Thị Liên    | TN | 05/11/1984 | 030184007510 | Quỳnh Khê 2  | 16-60 tuổi KTN           | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                                |
| 104 | Vũ Thị Vữa       | TN | 01/01/1949 | 030149000922 | Quỳnh Khê 2  | Hưu trí XH               | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên             |
| 105 | Vũ Thị Xô        | TN | 01/01/1958 | 030158004122 | Quỳnh Khê 2  | Chăm sóc NKT             | 700.000   | 800.000 | 01/2026 |                                |
| 106 | Vũ Thị My        | TN | 01/01/1967 | 030167003043 | Quỳnh Khê 2  | 16-60 tuổi KTĐBN         | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                                |
| 107 | Vũ Đình Bộ       | TN | 20/7/1963  | 030063021067 | Quỳnh Khê 2  | NCT KTN                  | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                                |
| 108 | Trần Thị Hường   | TN | 06/07/1984 | 030184015203 | Thiện Đáp    | 16-60 tuổi KTĐBN         | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                                |
| 109 | Trần Văn Hồng    | TN | 09/04/1986 | 30086001110  | Thiện Đáp    | 16-60 tuổi KTN           | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                                |
| 110 | Dương Thị Lan    | TN | 10/07/1952 | 030148000763 | Thiện Đáp    | Nuôi dưỡng TE mồ côi     | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                                |
| 111 | Nguyễn Thị Thắm  | TN | 13/08/1941 | 030206010554 | Thiện Đáp    | Chăm sóc NKT, Hữu trí XH | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                                |
| 112 | Ninh Thị Lánh    | TN | 16/10/1968 | 030321001914 | Thiện Đáp    | 16-60 tuổi KTĐBN         | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                                |
| 113 | Nguyễn Đức Chuẩn | TN | 10/06/1937 | 030037003245 | Lễ Độ        | NCT KTN                  | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                                |

|     |                    |    |            |              |              |                     |           |         |         |                       |
|-----|--------------------|----|------------|--------------|--------------|---------------------|-----------|---------|---------|-----------------------|
| 114 | Đoàn Thị Nhẫn      | TN | 01/01/1937 | 030137000067 | Lễ Độ        | NCT KTN             | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                       |
| 115 | Trần Thị Hằng      | TN | 10/04/1965 | 030165004224 | Kim Anh      | NCT KTN             | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                       |
| 116 | Trần Thị Hồi       | TN | 16/06/1968 | 030168012672 | Kim Anh      | 16-60 tuổi<br>KTĐBN | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                       |
| 117 | Đỗ Hoàng Thu Trang | TN | 10/11/2003 | 030303016209 | Kim Khê      | 16-60 tuổi<br>KTĐBN | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                       |
| 118 | Đỗ Hoàng Việt      | TN | 21/02/2009 | 030209010870 | Kim Khê      | 16-60 tuổi KTN      | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                       |
| 119 | Nguyễn Thị Thường  | TN | 27/07/1971 | 030171003340 | Lương Xá nam | 16-60 tuổi KTN      | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                       |
| 120 | Bùi Văn Chang      | TN | 01/01/1969 | 030069012925 | Lương Xá Bắc | 16-60 tuổi<br>KTĐBN | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                       |
| 121 | Hứa Như Viện       | TN | 01/05/1947 | 030047001477 | Lương Xá Bắc | NCT KTN             | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                       |
| 122 | Cao Thị Quyết      | TN | 15/06/1951 | 030151007157 | Lương Xá Bắc | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 06/2026 | Đủ 75 tuổi trở<br>lên |
| 123 | Ngô ThanhTùng      | TN | 10/01/1949 | 042049003675 | Lương Xá Bắc | NCT KTN             | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở<br>lên |
| 124 | Nguyễn Thị Bẩy     | TN | 01/01/1948 | 030148001784 | Lương Xá Bắc | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở<br>lên |
| 125 | Phạm Thị Nhân      | TN | 01/01/1949 | 030149002700 | Cổ phục Bắc  | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 02/2026 | Đủ 75 tuổi trở<br>lên |
| 126 | Hoàng Thị Lan      | TN | 01/01/1950 | 030150000481 | Cổ phục Nam  | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở<br>lên |
| 127 | Nguyễn Thị Cúc     | TN | 25/05/1947 | 030147001943 | Cổ phục Nam  | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở<br>lên |
| 128 | Đỗ Quang Hiếu      | TN | 25/04/1985 | 030085017500 | An Thái      | 16-60 tuổi KTN      | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                       |
| 129 | Nguyễn Thị Thu     | TN | 21/03/1947 | 030147000413 | An Thái      | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 03/2026 | Đủ 75 tuổi trở<br>lên |
| 130 | Bùi Thị Lê         | TN | 01/01/1942 | 030142000552 | Đồng Văn     | Hưu trí XH          | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở<br>lên |

|     |                   |     |            |              |                  |                  |           |         |         |                    |
|-----|-------------------|-----|------------|--------------|------------------|------------------|-----------|---------|---------|--------------------|
| 131 | Phạm Văn Vượng    | TN  | 01/01/1941 | 030041000714 | Đồng Văn         | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên |
| 132 | Vũ Thị Nhìn       | TN  | 01/01/1942 | 030142001103 | Tân Phú          | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên |
| 133 | Trần Thị Huệ      | TN  | 01/01/1950 | 030150007436 | Dưỡng Thái Nam   | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên |
| 134 | Đỗ Thị Thanh      | TN  | 01/01/1945 | 030145001440 | Dưỡng Thái Nam   | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên |
| 135 | Đặng Thị Ngoãn    | TN  | 08/02/1935 | 030135004671 | Dưỡng Thái Trung | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên |
| 136 | Trần Văn Tuấn     | TN  | 01/11/1978 | 030078000929 | Dưỡng Thái Bắc   | 16-60 tuổi KTĐBN | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                    |
| 137 | Trần Thị Mai Lan  | TN  | 11/08/2009 | 030309015680 | Dưỡng Thái Bắc   | 16-60 tuổi KTN   | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                    |
| 138 | Đỗ Thị Quang      | TN  | 12/03/1964 | 030164000291 | Dưỡng Thái Bắc   | NCT KTN          | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                    |
| 139 | Bùi Văn Kiên      | TN  | 10/12/1981 | 030081020000 | Bãi Mạc          | 16-60 tuổi KTN   | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                    |
| 140 | Nguyễn Văn Đức    | TN  | 30/08/1991 | 030091008048 | Bãi Mạc          | 16-60 tuổi KTN   | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                    |
| 141 | Đỗ Thị Trường     | TN  | 20/08/1958 | 030158002833 | Bãi Mạc          | NCT KTN          | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                    |
| 142 | Trần Văn Vững     | TCN | 02/09/1954 | 030054006457 | Quỳnh Khê 2      | NCT KTN          | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                    |
| 143 | Trần Thị Xuyên    | TCN | 01/01/1958 | 030158002008 | Quỳnh Khê 2      | Chăm sóc NKT     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 |                    |
| 144 | Vũ Đình Tuấn      | TCN | 20/09/1946 | 030067003717 | Quỳnh Khê 2      | Hưu trí XH       | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên |
| 145 | Hoàng Thị Châm    | TCN | 25/08/1954 | 030154000290 | Quỳnh Khê 2      | NCT KTN          | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                    |
| 146 | Hoàng Thị Thêm    | TCN | 02/5/1961  | 030161000279 | Thiện Đáp        | NCT KTN          | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                    |
| 147 | Dương Xuân Trường | TCN | 16/05/1987 | 030087017338 | Thiện Đáp        | 16-60 tuổi KTĐBN | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                    |

|     |                      |     |            |              |                |                |           |         |         |                                |
|-----|----------------------|-----|------------|--------------|----------------|----------------|-----------|---------|---------|--------------------------------|
| 148 | Vũ Văn Viên          | TCN | 07/02/1981 | 030081014289 | Thiện Đáp      | 16-60 tuổi KTN | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                                |
| 149 | Dương Văn Hòa        | TCN | 20/4/1965  | 030065003766 | Thiện Đáp      | NCT KTN        | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                                |
| 150 | Nguyễn Thị Tòng      | TCN | 01/09/1948 | 030148001030 | Lương Xá nam   | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên             |
| 151 | Lê Văn Tích          | TCN | 20/01/1953 | 030053002271 | Lương Xá nam   | NCT KTN        | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                                |
| 152 | Nguyễn Thị Yên       | TCN | 10/12/1995 | 030195003879 | Cổ Phục Bắc    | 16-60 tuổi KTN | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                                |
| 153 | Nguyễn Văn Nhị       | TCN | 02/07/1959 | 030059003323 | Cổ phục Nam    | NCT KTN        | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                                |
| 154 | Nguyễn Thị Ngọc      | TCN | 04/09/1989 | 030189018626 | Cổ phục Nam    | 16-60 tuổi KTN | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                                |
| 155 | Nguyễn Thị Hương     | TCN | 02/01/1993 | 030193003415 | Cổ phục Nam    | 16-60 tuổi KTN | 1.050.000 | 450.000 | 04/2026 |                                |
| 156 | Phạm Văn Thụy        | TCN | 26/10/1966 | 030066008756 | Cổ Phục Nam    | 16-60 tuổi KTN | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 | 11/2026 sang đối tượng NTC KTN |
| 157 | Nguyễn Thị Chúng     | TCN | 01/01/1934 | 030134006113 | Cổ Phục Nam    | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên             |
| 158 | Hà Thị Thêm          | TCN | 20/12/1949 | 025149004888 | An Thái        | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên             |
| 159 | Nguyễn Mạnh Cường    | TCN | 23/02/1967 | 030067014156 | An Thái        | 16-60 tuổi KTN | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 | 3/2027 sang đối tượng NTC KTN  |
| 160 | Nguyễn Thị Thùy Dung | TCN | 26/11/1990 | 030190015577 | An Thái        | 16-60 tuổi KTN | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                                |
| 161 | Lê Thị Thìn          | TCN | 10/10/1945 | 030145003646 | An Thái        | NCT KTN        | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                                |
| 162 | Nguyễn Ngọc Báu      | TCN | 20/10/1952 | 033052001897 | Đồng Văn       | NCT KTN        | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |                                |
| 163 | Trần Thị Mẫn         | TCN | 12/11/1944 | 030144005040 | Tân Phú        | Hưu trí XH     | 700.000   | 800.000 | 01/2026 | Đủ 75 tuổi trở lên             |
| 164 | Đỗ Thị Tâm           | TCN | 03/02/1987 | 030187001977 | Dưỡng Thái Nam | 16-60 tuổi KTN | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |                                |

|     |              |     |            |              |                |                |           |         |         |  |
|-----|--------------|-----|------------|--------------|----------------|----------------|-----------|---------|---------|--|
| 165 | Đỗ Văn Trung | TCN | 11/11/1989 | 030089002215 | Dưỡng Thái Nam | 16-60 tuổi KTN | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |  |
| 166 | Lò Thị Hồng  | TCN | 01/01/1997 | 014197009903 | Dưỡng Thái Nam | 16-60 tuổi KTN | 1.050.000 | 450.000 | 01/2026 |  |
| 167 | Đỗ Thị Minh  | TCN | 08/02/1957 | 030157016098 | Dưỡng Thái Nam | NCT KTN        | 1.400.000 | 100.000 | 01/2026 |  |

**Ghi chú:**      *Hộ nghèo: N*      *Hộ cận nghèo: CN*      *Hộ thoát nghèo: TN*      *Hộ thoát cận nghèo: TCN*